

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2022/HSST
Ngày 25-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Kim

Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2022/TLST- HS ngày 30 tháng 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Dương Thị Mai L, sinh năm 1994; huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ĐKKTT và nơi ở: Khối phố Nguyễn Thị Minh Kh, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Xuân V và bà: Dương Thị Th; chồng, con: chưa có; **tiền án, tiền sự, nhân thân:** không.

Bị cáo đầu thú bị bắt tạm giam ngày 04/11/2021, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị hại: Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam; địa chỉ: 149- 151 Nguyễn Văn Tr, quận Ph, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Qu- Chức vụ: Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tú A- Phụ trách pháp chế của Công ty (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH M; địa chỉ: Đường Th, thôn D thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật: Bà Thân Thị Minh Ng- Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Chị Thân Thị Lệ Q, sinh năm 1988; cư trú tại: Thôn M, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
3. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn Trại Ph, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt).
4. Anh Đặng Đăng Th, sinh năm 1994; cư trú tại: Thôn L, xã Nh, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).
5. Chị Dương Hà Tr, sinh năm 1994; cư trú tại: Khối phố Tr, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).
6. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995; cư trú tại Thôn Th, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
7. Chị Phan Thị Thu H, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
8. Chị Nguyễn Như Kh, sinh năm 1978; cư trú tại: Ngõ 95, đường L, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
9. Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1972; cư trú tại: Thôn Ng, xã Tự, huyện V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).
10. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ dân phố T, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt).
11. Anh Bùi Trung Đ, sinh năm 1993; cư trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).
12. Ông Vũ Văn K, sinh năm 1957; cư trú tại: Tổ dân phố H, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Dương Thị Mai L, sinh năm 1994; trú tại: Khối phố Ng, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là nhân viên dịch vụ khách hàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bảo hiểm nhân thọ D Việt Nam (gọi tắt là Công ty D) từ ngày 02/01/2018. Khoảng cuối tháng 2/2020, L được Công ty D điều chuyển từ Văn phòng Tổng đại lý Bảo hiểm nhân thọ tại thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn về làm nhân viên dịch vụ khách hàng tại Văn phòng Tổng đại lý B huyện V, tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: tổ dân phố D, thị trấn B, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Tổng đại lý B huyện V, tỉnh Bắc Giang thuộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) M do bà Thân Thị Minh Ng- sinh năm 1980, trú tại: tổ dân phố H, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang làm Giám đốc. Công ty TNHH M là đối tác của Công ty D ký kết hợp đồng làm Tổng đại lý B. Theo đó, Tổng đại lý B có trách nhiệm cung cấp dịch vụ khách hàng bằng việc tuyển dụng các nhân

viên tư vấn tài chính để tìm kiếm khách hàng, tư vấn cho khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm D, thu tiền đóng phí bảo hiểm của khách hàng và chăm sóc khách hàng. Công việc của L được mô tả kèm theo Hợp đồng lao động, trong đó: nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện thu tiền mặt đối với các khoản thu của Hợp đồng bảo hiểm (thu từ nhân viên tư vấn tài chính hoặc thu trực tiếp từ khách hàng), thực hiện chi tiền mặt theo các Lệnh chi tiền, quản lý tiền mặt và nộp tiền vào Ngân hàng; quản lý mật mã, chìa khóa kết sắt và niêm phong kết sắt; quản lý chìa khóa Văn phòng; lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt và gửi báo cáo này cùng Sổ quản lý kết sắt cho Phụ trách dịch vụ khách hàng vùng và Phòng Kế toán mỗi ngày làm việc.

Theo quy định của Công ty Da, trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 16 giờ các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và từ 09 giờ đến 10 giờ ngày thứ Bảy hằng tuần, nếu tổng số tiền phí bảo hiểm thu được từ nhân viên tư vấn tài chính hoặc từ khách hàng từ 10.000.000 đồng trở lên thì L phải đến Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của Công ty D; sau khi L chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng, nếu có nhân viên tư vấn tài chính hoặc khách hàng đến đóng phí bảo hiểm thì L sẽ tiếp tục nhận tiền và bảo quản số tiền đó bằng cách cho tiền vào kết sắt (L là người cầm chìa khóa kết sắt) để ngày hôm sau lại tiếp tục đi nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng của Công ty; trường hợp thu tiền vào ngày thứ Bảy thì để đến thứ Hai đi nộp tiền (Chủ nhật L được nghỉ). Khi cho tiền vào kết sắt, L phải làm giấy niêm phong có chữ ký của L và nhân viên Văn phòng Tổng đại lý B, sau đó dán giấy niêm phong vào cánh cửa kết sắt. Việc mở niêm phong và niêm phong kết sắt, đều phải ghi thời gian vào trong Sổ quản lý kết sắt, có chữ ký của L và nhân viên Văn phòng. Ngoài ra, L còn phải làm báo cáo tình hình thu, chi trong ngày gửi cho chị Thân Thị Lệ Q- sinh năm 1988, trú tại: thôn M, xã Th, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là phụ trách cao cấp dịch vụ khách hàng vùng của Công ty D) qua hệ thống Email của Công ty để theo dõi. Tại Văn phòng Tổng đại lý B huyện V, chỉ có một mình L có quyền quản lý tiền và kết sắt (do L là nhân viên duy nhất của Công ty D làm việc tại đây).

Ngày 17/5/2021 (thứ Hai), L đến Văn phòng Tổng đại B huyện V làm việc bình thường. Thời điểm này, L đang quản lý số tiền trong kết sắt là 33.702.600 đồng là số tiền thu phí bảo hiểm còn tồn của ngày 15/5/2021 (thứ Bảy) và 14.200.000 đồng là số tiền Công ty D dùng để chi cho các nhân viên tư vấn tài chính đạt chương trình thi đua. Trong buổi sáng ngày 17/5/2021, L nhận được tổng số tiền 65.738.300 đồng là tiền phí bảo hiểm do các nhân viên tư vấn tài chính nộp cho khách hàng, cụ thể: nhân viên tư vấn tài chính Nguyễn Thị L- sinh năm 1987, trú tại: thôn Trại Ph, xã X, huyện

L, tỉnh Bắc Giang nộp số tiền 36.000.100 đồng thu của khách hàng (gồm: khách hàng Phạm Thị Th- sinh năm 1971, trú tại: xóm G, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 20.000.000 đồng; khách hàng Hoàng Văn Đ- sinh năm 1970, trú tại: thôn B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 4.000.100 đồng và khách hàng Thân Thị L- sinh năm 1990, trú tại: thôn B, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 12.000.000 đồng); nhân viên tư vấn tài chính Nguyễn Như Kh- sinh năm 1978, trú tại: Số 18, ngõ 95, đường L, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nộp số tiền 9.500.200 đồng (gồm: khách hàng Nguyễn Thị Th- sinh năm 1982, trú tại: Số 111, đường L, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 2.500.100 đồng; khách hàng Nguyễn Thị B- sinh năm 1987, trú tại: thôn Y, xã V1, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 4.000.000 đồng và khách hàng Phạm Thị Th- sinh năm 1977, trú tại: thôn N, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 3.000.100 đồng); nhân viên tư vấn tài chính Đỗ Văn L- sinh năm 1972, trú tại: thôn Ng, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang nộp cho L số tiền 20.238.000 đồng (gồm: khách hàng Đỗ Thị H- sinh năm 1985, trú tại: thôn Ng, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 10.197.000 đồng và khách hàng Đỗ Thị Ngọc B- sinh năm 1993, trú tại: thôn Ng, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 10.041.000 đồng). Cùng ngày 17/5/2021, L đã làm phiếu chi tiền mặt số tiền 15.000.000 đồng cho các nhân viên tư vấn tài chính đạt chương trình thi đua, tuy nhiên L chưa tiến hành chi trả cho các nhân viên tư vấn tài chính. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, khi L chuẩn bị đến Ngân hàng để nộp tiền phí bảo hiểm thu được thì chị Nguyễn Thị U- sinh năm 1986, trú tại: tổ dân phố T, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (là nhân viên tư vấn tài chính) đến nộp tiền phí bảo hiểm thu của khách hàng (gồm: khách hàng Nguyễn Thị Phương H- sinh năm 1993, trú tại: số 5 Tr, phố H, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 14.000.000 đồng; khách hàng Thân Thị L- sinh năm 1960, trú tại: thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền 20.500.000 đồng; khách hàng Đỗ Văn A- sinh năm 1987, trú tại: tổ 13, thị trấn I, huyện Y, tỉnh N số tiền 30.000.000 đồng; khách hàng Ngô Văn D- sinh năm 2003, trú tại: thôn Nh, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang số tiền 15.200.000 đồng; khách hàng Nguyễn Thị T- sinh năm 1989, trú tại: ngõ 98 đường Ng, phường Tr, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 15.000.200 đồng; khách hàng Dương Thị Minh Th- sinh năm 1986, trú tại: tổ 13, thị trấn L, huyện Y, tỉnh Nam Định số tiền 25.000.000 đồng; khách hàng Nguyễn Thị C- sinh năm 1985, trú tại: tổ 8 Ng1, phường Ng, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 20.000.000 đồng; khách hàng Lô Thị Minh Th- sinh năm 1989, trú tại: thôn Th, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 12.500.000 đồng; khách hàng Nguyễn Thị A- sinh năm 1961, trú tại: ngõ 107 đường L, phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số

tiền 3.000.000 đồng và khách hàng Vũ H- sinh năm 1971, trú tại: tổ 5 phường Th, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 55.000 đồng). Chị U chuyển số tiền 63.000.000 đồng từ số tài khoản 19027597818013 của chị U tại Ngân hàng TMCP K đến số tài khoản 8411205057464 của L tại Ngân hàng N. Sau đó, chị U lấy tiền mặt định nộp tiếp cho L số tiền phí bảo hiểm đã thu của khách hàng còn lại là 92.255.200 đồng nhưng do lúc này L vội ra Ngân hàng nên L bảo chị U đợi L đi Ngân hàng nộp tiền, sau đó sẽ về thu tiền của chị U sau. Tổng số tiền L đang quản lý tính đến thời điểm này là **176.640.900** đồng, trong đó: 147.440.900 đồng là tiền phí bảo hiểm thu của khách hàng (84.440.900 đồng tiền mặt và 63.000.000 đồng tiền trong tài khoản Ngân hàng) và 29.200.000 đồng là tiền Công ty D dùng chi cho các nhân viên tư vấn tài chính đạt chương trình thi đua. L để lại trong két sắt tổng số tiền 29.385.800 đồng (29.200.000 đồng dành cho chương trình thi đua và 185.800 đồng tiền phí bảo hiểm của khách hàng) rồi cầm số tiền mặt thu phí bảo hiểm của khách hàng là 84.255.100 đồng cho vào túi xách màu đen mang đến Ngân hàng N chi nhánh Kh, huyện V để nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng của Công ty D đóng phí bảo hiểm cho khách hàng. Lúc này, L được biết thông tin đến ngày 18/5/2021 huyện V sẽ phải giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid- 19, không thể đến Ngân hàng để nộp tiền phí bảo hiểm như thường lệ được mà phải cất giữ số tiền phí bảo hiểm thu được của khách hàng trong két sắt nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty D để trả nợ và giải quyết công việc cá nhân. Khi đến Ngân hàng, L chỉ chuyển vào tài khoản của Công ty D tại Ngân hàng số tiền **38.500.000** đồng, còn lại số tiền **108.755.100** đồng (gồm 45.755.100 đồng tiền mặt và 63.000.000 đồng trong tài khoản, đều là tiền phí bảo hiểm của khách hàng) L giữ lại và chiếm đoạt. Sau khi từ Ngân hàng về Văn phòng, L tiếp tục nhận tổng số tiền 104.855.200 đồng do các nhân viên tư vấn tài chính nộp phí bảo hiểm của khách hàng, cụ thể: L tiếp tục thu của chị Nguyễn Thị U số tiền 92.255.200 đồng; thu của nhân viên tài chính Bùi Trung Đ- sinh năm 1993, trú tại: tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa số tiền 12.600.000 đồng (anh Đ nộp tiền của khách hàng Thân Thị M- sinh năm 1988, trú tại: thôn Nh, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang). Khi nộp tiền phí bảo hiểm thu của khách hàng cho L, các nhân viên tư vấn tài chính đều đưa cho L Phiếu thu tiền ghi tên khách hàng và số Hợp đồng bảo hiểm; L đều ký xác nhận đã nhận tiền trên các Phiếu này, sau đó L nhập thông tin vào phần mềm theo dõi của Công ty D các khách hàng đã nộp phí bảo hiểm theo quy định. Tổng số tiền L còn quản lý đến cuối ngày 17/5/2021 là 134.241.000 đồng, trong đó: có 105.041.000 đồng là tiền thu phí bảo hiểm của khách hàng và 29.200.000 đồng là

tiền Công ty D cho chương trình thi đua. Trước khi ra về, L đã cho số tiền này vào két sắt để bảo quản.

Về số tiền 108.755.100 đồng chiếm đoạt được của Công ty D, L đã sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ cho những người sau: trả cho anh Đặng Đăng Th- sinh năm 1994, trú tại: thôn L, xã Nh, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 50.000.000 đồng; trả cho chị Thân Thị Lệ Q (phụ trách cao cấp dịch vụ khách hàng vùng Công ty D) số tiền 5.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị L- sinh năm 1987, trú tại: thôn Trại Ph, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang số tiền 4.000.000 đồng; trả cho chị Dương Thị Hà Tr- sinh năm 1994, trú tại: khối phố Tr, thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn số tiền 25.000.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1995, trú tại: thôn Th, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang số tiền 3.000.000 đồng; trả cho chị Phan Thị Thu H- sinh năm 1986, trú tại: tổ 4, phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang số tiền 3.070.000 đồng.

Buổi sáng ngày 18/5/2021, chị Thân Thị Lệ Q gọi điện thoại cho L yêu cầu kiểm tra tiền mặt trong két sắt thông qua Camera giám sát tại Văn phòng Tổng đại lý huyện V. Ly mở két sắt và thông báo cho chị Q là chỉ còn số tiền mặt 105.041.000 đồng (số tiền 29.200.000 đồng là tiền chi cho chương trình thi đua thì L không báo cho chị Q), L cũng thừa nhận với chị Q là L đã sử dụng tổng số tiền 108.755.100 đồng của Công ty và hứa trong vòng 07 ngày sẽ trả lại cho Công ty D. Do lúc này huyện V đã bị cách ly xã hội để phòng chống dịch Covid- 19 theo Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính Phủ nên chị Q yêu cầu L bỏ số tiền 105.041.000 đồng vào trong két sắt và gọi anh Bùi Trung Đ là nhân viên của Văn phòng Tổng đại lý B huyện V vào cùng ký giấy niêm phong két sắt. Xác định khó có khả năng thanh toán số tiền đã chiếm đoạt cho Công ty D trong thời gian ngắn như đã hứa hẹn nên L đã nảy sinh ý định lấy số tiền trong két sắt để trả vào số tiền 108.755.100 đồng mà L đã chiếm đoạt trước đó. L mở két sắt ra, lấy số tiền **128.843.000** đồng cho vào túi xách, còn số tiền **5.398.000** đồng L để lại trong két sắt rồi mới gọi anh Đ vào ký giấy niêm phong và dán giấy niêm phong vào két sắt. Sau đó, L về nhà ở thị trấn B1, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến ngày 26/5/2021, L đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng của Công ty D số tiền 108.754.000 đồng. Số tiền còn lại là 20.089.000 đồng, L đã chiếm đoạt và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 01/6/2021, Công ty Da họp và quyết định sa thải L (Quyết định xử lý kỷ luật lao động ngày 03/7/2021). Ngày 01/7/2021, chị Thân Thị Lệ Q thông báo về việc Ly bị Công ty D sa thải và yêu cầu L đến ngày 02/7/2021 xuống Văn phòng Tổng đại lý B huyện V để bàn giao sổ sách và két sắt. Khoảng 09 giờ ngày 2/7/2021, khi L đến

Văn phòng, chị Q yêu cầu L mở két sắt để kiểm tra thì thấy trong két sắt chỉ còn số tiền 5.398.000 đồng. Lúc này, L thừa nhận với chị Q việc ngày 18/5/2021 L đã lấy số tiền 128.843.000 đồng trong két sắt và sử dụng số tiền 108.754.000 đồng trả cho Công ty D (chuyển khoản ngày 26/5/2021) để bù vào số tiền 108.755.100 đồng mà L đã chiếm đoạt vào ngày 17/5/2021 (thiếu 1.100 đồng). Số tiền còn lại, L đã chiếm đoạt và sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Chị Q đã lập biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt và trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đề nghị giải quyết.

Cùng ngày 02/7/2021, Dương Thị Mai L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, L đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt của Công ty D số tiền **128.844.100** đồng. Quá trình đầu thú, L giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, bên trong lắp sim số 0356.570.070 và 01 túi xách màu đen.

Ngày 24/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký trên một số tài liệu do Công ty D cung cấp, trong đó có Phiếu chi tiền mặt, Báo cáo quỹ tiền mặt và các Phiếu thu tiền mà L đã thu của các nhân viên tư vấn tài chính có phải chữ ký của Dương Thị Mai L không.

Tại Bản kết luận giám định số 329 ngày 25/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: *Chữ ký mang tên Dương Thị Mai L trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Dương Thị Mai L trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.*

Cáo trạng số 51/CT- VKS ngày 28 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Dương Thị Mai L về tội: “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm c, điểm d Khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng điểm c, điểm d Khoản 2, khoản 5 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Thị Mai L từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/11/2021; cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH D số tiền **128.844.100** đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, bên trong lắp sim số 0356.570.070 và chiếc túi xách màu đen nhưng được tạm giữ lại chiếc điện thoại để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.442.205 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phù hợp với các kết luận giám định, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Dương Thị Mai L là nhân viên dịch vụ khách hàng của Công ty Trách nhiệm D. L được giao nhiệm vụ thu phí bảo hiểm của khách hàng do khách hàng và các nhân viên tư vấn tài chính nộp, quản lý tiền mặt trong két sắt của Công ty đặt tại Văn phòng Tổng đại lý B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 17/5/2021, L quản lý của Công ty gồm: Số tiền tồn trong két là 33.702.600 đồng; các nhân viên nộp: 65.738.300 đồng, số tiền chị Nguyễn Thị U chuyển khoản là 63.000.000 đồng; và số tiền Công ty D dùng để chi cho các nhân

viên tư vấn tài chính đạt chương trình thi đua là 14.200.000 đồng; tổng cộng 176.640.900 đồng, L chuyển vào tài khoản của Công ty số tiền 38.500.000 đồng, số tiền để lại trong kết là 29.385.800 đồng, còn lại L chiếm đoạt số tiền 108.755.100 đồng.

Ngày 18/5/2021, L quản lý số tiền của Công ty ở trong kết là 29.385.800 đồng; số tiền thu của nhân viên Nguyễn Thị U: 92.255.200 đồng; số tiền thu của nhân viên Bùi Trung Đ là 12.600.000 đồng; tổng số 134.241.000 đồng. L lấy số tiền 128.843.000 đồng trong kết chuyển vào tài khoản của Công ty số tiền 108.754.000 đồng còn 20.089.000 đồng L chiếm đoạt.

Dương Thị Mai L 02 lần chiếm đoạt tiền với tổng số tiền 128.844.100 đồng (*một trăm hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm đồng*) trong kết sất của Công ty D, trong đó: ngày 17/5/2021, L chiếm đoạt số tiền 108.755.100 đồng; ngày 18/5/2021, L chiếm đoạt số tiền 20.089.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được nêu trên, L sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Cáo trạng số 51/CT- VKS ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Dương Thị Mai L về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại Điểm c, điểm d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức mà còn xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH D. Do đó, cần xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] *Tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đầu thú, áp dụng điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[4] *Tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật

[6] Khi được Dương Thị Mai L trả nợ, anh Đặng Đăng Th, chị Thân Thị Lệ Q, chị Nguyễn Thị L, chị Dương Hà Tr, chị Nguyễn Thị H và chị Phan Thị Thu H đều không biết số tiền này là do L chiếm đoạt được của Công ty D nên anh Th, chị Q, chị L, chị Tr, chị H và chị H không vi phạm pháp luật. Các nhân viên của Văn phòng

Tổng Công ty B thuộc Công ty TNHH M đều không biết và không liên quan đến việc L chiếm đoạt tiền của Công ty D nên không vi phạm pháp luật.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

[7.1] Bị cáo cố ý gây thiệt hại về tài sản cho Công ty D số tiền 128.844.100 đồng. Nay Công ty yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 128.844.100 đồng. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH D.

[7.2] Đối với các khách hàng mua bảo hiểm nhân thọ của Công ty D và các nhân viên tư vấn tài chính đã nộp tiền phí bảo hiểm của khách hàng cho Dương Thị Mai L không bị thiệt hại gì vì sau khi thu tiền L đã nhập vào hệ thống, không ai có yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về vật chứng:* 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, bên trong lắp sim số 0356.570.070 và chiếc túi xách màu đen là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả lại bị cáo nhưng chiếc điện thoại được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[9] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 , Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về áp dụng điều luật.*

Căn cứ điểm c, điểm d Khoản 2, khoản 5 Điều 353, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 48 của Bộ luật Hình sự

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, khoản 3 Điều 106, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

2. *Về mức hình phạt.*

Xử phạt bị cáo Dương Thị Mai L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tham ô tài sản*”, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 04/11/2021.

Phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ về quản lý kinh tế thời hạn 01 (một) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

3. Về vấn đề khác:

3.1. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Dương Thị Mai L bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH D 128.844.100 đồng.

3.2. *Về vật chứng:* Trả lại bị cáo Dương Thị Mai L 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, bên trong lắp sim số 0356.570.070 đã được niêm phong và chiếc túi xách màu đen, nhưng chiếc điện thoại được tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

3.3. *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 6.442.205 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

3.5. *Về nghĩa vụ thi hành án:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS.VP;
- Công an Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hương

- UBND thị trấn B1.